Chi tiết mã HS 8007.00.30

Mã HS	8007.00.30
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm khác bằng thiếc / - Lá mỏng (đã hoặc chưa in hoặc bồi trên giấy, bìa, plastic hoặc vật liệu bồi tương tự), có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2 mm; dạng bột và vảy
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 20:01:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/80070030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12380
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12380
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12380
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5/0	5 / 0 (nhiều mức)	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12380
Thuế XK ưu đãi CPTPP	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12380
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12380
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12380

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11721
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11664
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11664
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11664
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11664
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11664
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11664
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11716
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11716
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11716
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11716
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11716
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11717
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11717
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11717
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11717
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11717
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11717
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11720
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11670
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11676
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11676
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11676
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11676
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11676
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11676
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11709
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11709
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11709
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11709
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11709
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11709
VCFTA	2022	2022	3	VC!D11754
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11754
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11754
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11754
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11754
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11739
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11739
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11739
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11739
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11739
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11739
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11739
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11739
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11739
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11739
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11739
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11739
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11756
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11756
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11756
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11756
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11756
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11756
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11755
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11755
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11755
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11755

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11755
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11755
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11702
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11702
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11702
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11702
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11702
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11702
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11702
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11739
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11739
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11739
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11739
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11739
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11739
RCEP B	2022	2022	0	B!D11739
RCEP B	2023	2023	0	B!E11739
RCEP B	2024	2024	0	B!F11739
RCEP B	2025	2025	0	B!G11739
RCEP B	2026	2026	0	B!H11739
RCEP B	2027	2027	0	B!I11739
RCEP C	2022	2022	0	C!D11739
RCEP C	2023	2023	0	C!E11739
RCEP C	2024	2024	0	C!F11739
RCEP C	2025	2025	0	C!G11739
RCEP C	2026	2026	0	C!H11739

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11739
RCEP D	2022	2022	0	D!D11738
RCEP D	2023	2023	0	D!E11738
RCEP D	2024	2024	0	D!F11738
RCEP D	2025	2025	0	D!G11738
RCEP D	2026	2026	0	D!H11738
RCEP D	2027	2027	0	D!I11738
RCEP E	2022	2022	0	E!D11742
RCEP E	2023	2023	0	E!E11742
RCEP E	2024	2024	0	E!F11742
RCEP E	2025	2025	0	E!G11742
RCEP E	2026	2026	0	E!H11742
RCEP E	2027	2027	0	E!I11742
RCEP F	2022	2022	0	F!D11739
RCEP F	2023	2023	0	F!E11739
RCEP F	2024	2024	0	F!F11739
RCEP F	2025	2025	0	F!G11739
RCEP F	2026	2026	0	F!H11739
RCEP F	2027	2027	0	F!I11739
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F10858
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G10858
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H10858
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I10858

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8007.00 có 7 dòng thuế; dòng 8007.00.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Lá mỏng (đã hoặc chưa in hoặc bồi trên giấy, bìa, plastic hoặc vật liệu bồi tương tự), có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2 mm; dạng bột và vảy.	8007.00.20 Dạng tấm, lá và dải, có chiều dày trên 0,2 mm; 8007.00.40 Các loại ống, ống dẫn và phụ kiện để ghép nối của ống hoặc ống dẫn (ví dụ, khớp nối đôi, nối khuỷu, măng sông); 8007.00.91 Hộp đựng thuốc lá điếu; gạt tàn thuốc lá; 8007.00.92 Các sản phẩm gia dụng khác; 8007.00.93 Ống có thể gấp lại được (collapsible tubes); 8007.00.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Chì, kẽm, thiếc > Bán thành phẩm bằng nhôm hoặc hợp kim nhôm. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8007.00.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8007.00.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12380), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.